

GUIDELINES FOR ENHANCED TEACHING TO DEVELOP COMMUNICATION AND COLLABORATION COMPETENCIES WITHIN THE DIGITAL COMPETENCE FRAMEWORK FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS

Nguyen Hong Duong¹, Ta Thanh Trung^{2*}, Le Thi Thuy An³, Truong Dinh Trung²

¹Hai Phong University, ²Ho Chi Minh City University of Education, ³Tay Nguyen University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>Received: 18/12/2024</p> <p>Revised: 19/3/2025</p> <p>Published: 20/3/2025</p>	<p>This study is about how to improve teaching methods so that primary school students can learn how to communicate and work together within the framework of digital competence. The goal is to meet the needs of education in a world that is becoming more digital. Using secondary document analysis and content analysis, the study synthesized and evaluated 27 sources from domestic and international organizations and individuals for digital competence, particularly communication and collaboration skills in digital environments. The study found important sub-competencies in the area of communication and collaboration. It also suggested a way to make better teaching activities, using "Group Meetings on Google Meet" as an example, to help primary school students develop these skills. The study also emphasizes the guiding significance for teachers in applying enhanced teaching methods, helping students develop digital competence effectively and sustainably. These findings not only strengthen the theoretical foundation of digital competence education but also provide practical solutions to improve the quality of primary education in the digital age while opening new research and application directions for primary school teachers in the future.</p>
<p>KEYWORDS</p> <p>Competence</p> <p>Communication and cooperation competence</p> <p>Digital citizenship education</p> <p>Digital competence</p> <p>Primary school students</p>	

ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC THUỘC KHUNG NĂNG LỰC SỐ CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

Nguyễn Hồng Dương¹, Tạ Thanh Trung^{2*}, Lê Thị Thúy An³, Trương Đình Trung²

¹Trường Đại học Hải Phòng, ²Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, ³Trường Đại học Tây Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 18/12/2024</p> <p>Ngày hoàn thiện: 19/3/2025</p> <p>Ngày đăng: 20/3/2025</p>	<p>Nghiên cứu này tập trung vào việc định hướng dạy học tăng cường năng lực giao tiếp và hợp tác thuộc khung năng lực số cho học sinh tiểu học, nhằm đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số. Bằng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp và phân tích nội dung, nghiên cứu đã tổng hợp và đánh giá 27 nguồn tài liệu từ các tổ chức và cá nhân trong nước và quốc tế về năng lực số, đặc biệt là năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường kỹ thuật số. Kết quả nghiên cứu đã xác định các năng lực thành phần cần thiết trong miền năng lực giao tiếp và hợp tác, đồng thời đề xuất quy trình thiết kế hoạt động dạy học tăng cường, được minh họa qua chuyên đề "Hợp nhóm trên Google Meet", nhằm bồi dưỡng các năng lực này cho học sinh tiểu học. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh ý nghĩa định hướng cho giáo viên trong việc áp dụng hình thức dạy học tăng cường, giúp học sinh phát triển năng lực số một cách hiệu quả và bền vững. Những phát hiện này không chỉ góp phần củng cố cơ sở lý luận về giáo dục năng lực số mà còn cung cấp các giải pháp thực tiễn để nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học trong kỷ nguyên số, đồng thời mở ra hướng nghiên cứu và ứng dụng mới cho giáo viên tiểu học trong thời gian tới.</p>
<p>TỪ KHÓA</p> <p>Năng lực</p> <p>Năng lực số</p> <p>Giáo dục kỹ năng công dân số</p> <p>Học sinh tiểu học</p> <p>Năng lực giao tiếp và hợp tác</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11729>

* Corresponding author. Email: trungttphysics@gmail.com

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thế giới và Việt Nam đang chứng kiến những thay đổi sâu rộng, đặc biệt là sự tác động mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đến tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Đặc biệt, ngành giáo dục, bao gồm giáo dục phổ thông, đang phải đối mặt với những yêu cầu mới về việc trang bị cho học sinh các kỹ năng cần thiết để hòa nhập và phát triển trong kỷ nguyên số. Trong đó, năng lực số (Digital competence) được coi là một trong những năng lực cốt lõi, quyết định khả năng học tập và phát triển suốt đời của học sinh [1]-[3]. Năng lực số không chỉ giúp học sinh sử dụng công nghệ một cách hiệu quả, an toàn, mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển tư duy sáng tạo và khả năng làm việc trong môi trường số hóa. Việc hình thành và bồi dưỡng năng lực số cho học sinh từ bậc tiểu học là một nhiệm vụ cấp thiết, góp phần vào mục tiêu phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Để đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại, ngoài các kỹ năng cơ bản như đọc, viết, con người cần phải trang bị những kỹ năng của công dân số để tham gia tích cực vào xã hội số [4]. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy mà chưa đi sâu vào quá trình bồi dưỡng năng lực số cho học sinh [5]-[7].

Trong các khung năng lực số quốc tế như DigComp, ISTE và UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc), giao tiếp và hợp tác được xem là một trong những năng lực cốt lõi [8]-[10]. Đây là những khả năng giúp học sinh không chỉ tương tác trong môi trường số mà còn đảm bảo an toàn và tuân thủ các chuẩn mực giao tiếp trong không gian mạng [11]. Nghiên cứu của Johler và cộng sự [12] chỉ ra rằng việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác là một trong những yếu tố then chốt giúp học sinh trở thành công dân có trách nhiệm trong xã hội hiện đại. Để đáp ứng yêu cầu này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã dự thảo triển khai kế hoạch giáo dục kỹ năng công dân số trong Chương trình GDPT 2018, với các hình thức tổ chức giáo dục linh hoạt như dạy học môn Tin học, tích hợp trong các môn học khác và dạy học tăng cường [13]. Nghiên cứu này tập trung vào việc xác định các năng lực thành phần trong miền năng lực giao tiếp và hợp tác thuộc khung năng lực số cần được bồi dưỡng cho học sinh tiểu học thông qua hình thức dạy học tăng cường. Qua đó, bài viết đề xuất định hướng thiết kế và tổ chức dạy học tăng cường nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thuộc khung năng lực số cho học sinh tiểu học, thông qua các hoạt động học tập chuyên đề như “Hợp nhóm trên Google Meet”.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp [14] kết hợp với phân tích nội dung [15] để tổng hợp và đánh giá các nghiên cứu về năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh tiểu học trong môi trường số. Theo Snyder [15], đánh giá tài liệu là công cụ hiệu quả để tổng hợp kết quả nghiên cứu, làm rõ các lĩnh vực cần tiếp tục nghiên cứu và phát triển mô hình lý thuyết. Khi triển khai đầy đủ, tổng quan tài liệu có thể tạo ra giá trị học thuật và thực tiễn lớn, đồng thời đề xuất các khung khái niệm mới [16]. Các nguồn tài liệu tham khảo bao gồm các nghiên cứu là bài báo, báo cáo bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt được đăng trong các tạp chí uy tín, tài liệu từ tổ chức giáo dục quốc tế và chính sách giáo dục năng lực số tại Việt Nam. Phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp được sử dụng để xây dựng cơ sở lý thuyết và làm rõ khái niệm về năng lực số, giao tiếp và hợp tác trong khung năng lực số của DigComp, ISTE và UNESCO, giúp xác định yếu tố phát triển năng lực này cho học sinh tiểu học. Phân tích nội dung khai thác các mô hình giáo dục và chiến lược giảng dạy hiệu quả, đặc biệt trong ứng dụng dạy học tăng cường để phát triển các năng lực trên.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khái niệm năng lực giao tiếp và hợp tác thuộc khung năng lực số của học sinh tiểu học

Năng lực số đã trở thành lĩnh vực trọng tâm trong nghiên cứu giáo dục, được các tổ chức và học giả toàn cầu đánh giá cao nhờ tác động tích cực đến thành tích học tập và sự phát triển của học sinh

[17]. Theo Ủy ban và Nghị viện Châu Âu, năng lực số là khả năng sử dụng công nghệ số một cách tự tin, sáng tạo và có trách nhiệm, nhằm phục vụ học tập, làm việc và thích ứng với xã hội kỹ thuật số không ngừng phát triển [18]. Khung năng lực số bao gồm các năng lực thành phần như: (1) Thông tin và dữ liệu, (2) Giao tiếp và hợp tác, (3) Tạo nội dung số, (4) An toàn và (5) Giải quyết vấn đề. Trong đó, năng lực giao tiếp và hợp tác là một thành phần cốt lõi.

Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) cho rằng năng lực số bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp trẻ em phát triển tối đa trong thế giới công nghệ số [19]. Tại Việt Nam, năng lực số được định nghĩa là khả năng sử dụng công nghệ số một cách tự tin và có trách nhiệm để học tập, làm việc và tham gia xã hội, bao gồm các kỹ năng về thông tin, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo nội dung, an toàn và giải quyết vấn đề [13]. UNESCO cũng nhấn mạnh năng lực số là khả năng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện các hoạt động truyền đạt thông tin và làm việc nhóm hiệu quả [10]. Quá trình hình thành năng lực giao tiếp diễn ra qua ba giai đoạn: (1) Nhận thức, (2) Phát triển động lực giao tiếp và (3) Thể hiện kỹ năng giao tiếp hiệu quả [10]. Miller và cộng sự [20] chỉ ra rằng năng lực hợp tác là kết quả tự nhiên của quá trình giao tiếp hiệu quả trong môi trường thuận lợi, khi học sinh cùng nhau hoàn thành mục tiêu chung.

Năng lực giao tiếp và hợp tác bao gồm hai khía cạnh chính: (1) Giao tiếp: Khả năng truyền đạt và tiếp nhận thông tin rõ ràng, hiệu quả thông qua ngôn ngữ (nói, viết) và phi ngôn ngữ (cử chỉ, biểu cảm), kết hợp với việc sử dụng các công cụ hỗ trợ phù hợp; (2) Hợp tác: Khả năng làm việc tích cực, hiệu quả trong nhóm, bao gồm phân chia nhiệm vụ, giải quyết xung đột và cùng chịu trách nhiệm về kết quả [21], [22]. Trong môi trường số, năng lực giao tiếp và hợp tác được mở rộng thành khả năng sử dụng công nghệ để tương tác, chia sẻ tài nguyên, trình bày thông tin, làm việc nhóm trực tuyến và đóng góp ý kiến trong không gian số. Năng lực này đòi hỏi sự tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm trong giao tiếp số, góp phần phát triển các kỹ năng cần thiết cho học sinh trong bối cảnh giáo dục hiện đại [10], [18].

Tóm lại, trong nghiên cứu này, năng lực giao tiếp và hợp tác trong khung năng lực số của học sinh tiểu học được hiểu là *khả năng sử dụng công nghệ số để giao tiếp và hợp tác một cách đúng đắn và an toàn, phù hợp với nhận thức và kinh nghiệm của các em.*

3.2. Kết quả đối sánh miền năng lực giao tiếp và hợp tác trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 và khung năng lực số

Theo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh tiểu học bao gồm các thành tố: (GH1) xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; (GH2) thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội, điều chỉnh và hóa giải các mâu thuẫn; (GH3) xác định mục đích và phương thức hợp tác; (GH4) xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân; (GH5) xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác; (GH6) tổ chức và thuyết phục người khác; (GH7) đánh giá hoạt động hợp tác và (GH8) hội nhập quốc tế [23]. Các nội dung này nhấn mạnh việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường xã hội trực tiếp, thông qua các hoạt động học tập và cuộc sống thường nhật. Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT quy định Khung năng lực số cho người học bao gồm các miền năng lực: Khai thác dữ liệu và thông tin; Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; Sáng tạo nội dung số; An toàn; Giải quyết vấn đề; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo [24]. Trong khi đó, khung năng lực số dành cho học sinh tiểu học được thiết kế để đáp ứng yêu cầu phát triển kỹ năng công dân số trong kỷ nguyên số hóa [13]. Khung này bao gồm các thành tố: (A) tương tác thông qua thiết bị số; (B) chia sẻ thông qua công nghệ số; (C) tham gia với tư cách công dân qua công nghệ số; (D) hợp tác thông qua công nghệ số; (E) chuẩn mực trong giao tiếp và (F) định danh cá nhân. Khung năng lực số nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ, tham gia cộng đồng trực tuyến và đảm bảo trách nhiệm trong không gian mạng.

Mặc dù cả hai khung đều hướng đến phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác, khung GDPT 2018 tập trung vào môi trường thực tế, còn khung năng lực số mở rộng vào môi trường trực tuyến, với nhấn mạnh về hành vi văn minh và trách nhiệm kỹ thuật số. Phương thức đánh giá cũng khác nhau: GDPT 2018 dựa trên vai trò học sinh trong nhóm, còn khung năng lực số dựa vào chuẩn mực hành

vi trên không gian mạng. Cả hai đều hướng đến hội nhập quốc tế, nhưng với mục tiêu khác nhau về giá trị văn hóa và công dân số trách nhiệm. Việc tích hợp khung năng lực số vào GDPT 2018 là giải pháp quan trọng để đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số, đồng thời hỗ trợ đổi mới giáo dục và phát triển toàn diện học sinh trong môi trường thực và số hóa. Nghiên cứu đã cụ thể hóa nội dung dạy học tăng cường nhằm đạt mục tiêu kép về năng lực giao tiếp và hợp tác trong thời đại công nghệ. Các điểm khác biệt giữa hai khung năng lực này đã được phân tích chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1. Hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh tiểu học, dựa trên sự so sánh giữa Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Khung năng lực số dành cho học sinh tiểu học

Thành phần năng lực	Đối sánh với yêu cầu cần đạt trong chương trình GDPT 2018	Đề xuất hình thức tổ chức dạy học
A. Tương tác thông qua thiết bị số		
[A1] Lựa chọn công nghệ kỹ thuật số để tương tác	- Ở lớp 1 và lớp 2 (L1- L2): Chọn được các công nghệ kỹ thuật số đơn giản để tương tác. Tương thích với môn Tự nhiên và Xã hội có thể lồng ghép thông qua chủ đề Cộng đồng địa phương , nội dung Hoạt động mua bán hàng hóa (Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để chia sẻ với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường).	Dạy học tích hợp thông qua môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 và lớp 2: <i>Trong đó, học sinh sử dụng tranh ảnh (tạo từ Tux Paint) hoặc video để chia sẻ thông tin, kết hợp học về các chủ đề bảo vệ môi trường qua công nghệ số.</i>
[A2] Lựa chọn phương tiện giao tiếp kỹ thuật số phù hợp	- Ở L1-L2: Xác định được các phương tiện truyền thông đơn giản thích hợp cho một bối cảnh nhất định. Tương thích với môn Tự nhiên và Xã hội có thể lồng ghép thông qua chủ đề Cộng đồng địa phương , nội dung Hoạt động mua bán hàng hóa (Nêu được lí do vì sao phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua; Thực hành theo tình huống giả định lựa chọn hàng hoá phù hợp về giá cả và chất lượng).	Dạy học tích hợp thông qua môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 và 2: <i>Học sinh tham gia vào tình huống giả định, chẳng hạn như phân tích và quyết định lựa chọn hàng hóa phù hợp về giá cả và chất lượng. Giáo viên có thể sử dụng phần mềm mô phỏng hoặc các công cụ trực tuyến để giúp học sinh rèn luyện kỹ năng quyết định trong môi trường số.</i>
B. Chia sẻ thông qua công nghệ số		
[B1] Lựa chọn công nghệ kỹ thuật số thích hợp để chia sẻ thông tin và nội dung	- Căn bản sung ở L1-L2: Nhận ra được các công nghệ kỹ thuật số thích hợp đơn giản để chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung kỹ thuật số.	Dạy học tăng cường
[B2] Giải thích phương pháp chia sẻ dữ liệu	- Căn bản sung ở L1-L2: Xác định được các phương pháp tham chiếu và phân bố đơn giản. - Căn bản sung ở lớp 3, lớp 4, lớp 5 (L3-L4-L5): Lựa chọn được các phương tiện giao tiếp kỹ thuật số thích hợp được xác định rõ ràng và thường xuyên cho một bối cảnh nhất định.	
[B3] Minh họa phương pháp tham chiếu và phân bố thông tin	- Căn bản sung ở L3-L4-L5: Minh họa được các phương pháp tham chiếu và phân bố được xác định rõ ràng và thường xuyên.	
C. Tham gia với tư cách công dân thông qua công nghệ số		
[C1] Lựa chọn dịch vụ kỹ thuật số để tham gia xã hội	- Căn bản sung ở L1-L2: Xác định được các dịch vụ kỹ thuật số đơn giản để tham gia vào xã hội. - Căn bản sung ở L3-L4-L5: Lựa chọn các dịch vụ kỹ thuật số được xác định rõ ràng và thường xuyên để tham gia vào xã hội. - Căn bản sung ở L1-L2: Nhận biết và sử dụng các công cụ kỹ thuật số đơn giản để	Dạy học tăng cường

Thành phần năng lực	Đối sánh với yêu cầu cần đạt trong chương trình GDPT 2018	Đề xuất hình thức tổ chức dạy học
[C2] Trao quyền cho bản thân thông qua công nghệ số	phát huy vai trò cá nhân trong các hoạt động cộng đồng. - Căn bổ sung ở L3-L4-L5: Chỉ ra được các công nghệ kỹ thuật số thích hợp để tham gia vào xã hội, từ đó tự trao quyền và thể hiện vai trò của mình với tư cách là công dân có trách nhiệm.	
D. Hợp tác thông qua công nghệ số		
[D1] Lựa chọn công cụ và công nghệ kỹ thuật số cho quá trình hợp tác	- Căn bổ sung ở L1-L2: Nhận biết và chọn được các công cụ kỹ thuật số đơn giản, phù hợp cho các hoạt động hợp tác cơ bản.	Dạy học tăng cường
E. Tuân thủ chuẩn mực trong giao tiếp		
[E1] Làm rõ chuẩn mực và sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong tương tác	- Căn bổ sung ở L1-L2: Nhận biết và phân biệt được các chuẩn mực hành vi cơ bản khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số. - Ở L3-L4-L5: Tương thích với môn Công nghệ lớp 5 có thể lồng ghép thông qua phần Công nghệ và đời sống , bài Sử dụng điện thoại (Trình bày được tác dụng của điện thoại; Sử dụng điện thoại an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp). - Ở L3-L4-L5: Tương thích với môn Tiếng Việt lớp 3 có thể lồng ghép thông qua phần Nói nghe tương tác (Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện).	Dạy học tăng cường Dạy học tích hợp thông qua môn Công nghệ lớp 5: <i>Học sinh thảo luận về tác dụng của điện thoại, mô phỏng các tình huống gọi điện, nhắn tin đúng mực và thực hành sử dụng điện thoại tiết kiệm, hiệu quả.</i>
[E2] Thể hiện chiến lược giao tiếp phù hợp	- Căn bổ sung ở L1-L2: Chọn được các phương thức và chiến lược giao tiếp đơn giản phù hợp với người khác.	Dạy học tăng cường
[E3] Mô tả khía cạnh văn hóa và đa thế hệ	- Căn bổ sung ở L1-L2: Phân biệt được các khía cạnh văn hóa và đa thế hệ đơn giản trong môi trường kỹ thuật số. - Căn bổ sung ở L3-L4-L5: Mô tả được các khía cạnh đa dạng văn hóa và thế hệ trong môi trường kỹ thuật số, từ đó áp dụng vào thực tiễn giao tiếp.	
F. Quản lý định danh cá nhân		
[F1] Phân biệt các dạng nhận dạng kỹ thuật số	- Căn bổ sung ở L1-L2: Nhận biết và xác định được danh tính kỹ thuật số cơ bản của bản thân. - Ở L3-L4-L5: Tương thích với môn Công nghệ lớp 5 có thể lồng ghép thông qua phần Công nghệ và đời sống , bài Sử dụng điện thoại (Nhận biết được các bộ phận cơ bản của điện thoại; nhận biết được các biểu tượng thể hiện trạng thái và chức năng hoạt động của điện thoại).	Dạy học tăng cường Dạy học tích hợp thông qua môn Công nghệ lớp 5: <i>Học sinh có thể làm việc nhóm để tìm hiểu và thực hành nhận diện các bộ phận cơ bản của điện thoại trên các mô hình thực tế hoặc qua ứng dụng mô phỏng trên máy tính bảng hoặc điện thoại; cùng thảo luận và chia sẻ với nhau về cách sử dụng các biểu tượng trạng thái và chức năng của điện thoại trong các tình huống thực tế, ví dụ: khi nào nên sử dụng chế độ im lặng, làm sao để tiết kiệm pin khi sử dụng điện thoại lâu dài.</i>

Thành phần năng lực	Đối sánh với yêu cầu cần đạt trong chương trình GDPT 2018	Đề xuất hình thức tổ chức dạy học
[F2] Bảo vệ danh tính trực tuyến	<p>- Căn bổ sung ở L1-L2: Mô tả được các cách đơn giản để bảo vệ danh tính kỹ thuật số của mình.</p> <p>- Căn bổ sung ở L3-L4-L5: Giải thích được các cách thường xuyên và rõ ràng để bảo vệ danh tính kỹ thuật số, như sử dụng phần mềm bảo mật, tránh truy cập vào các đường link không rõ nguồn gốc.</p>	Dạy học tăng cường
[F3] Quản lý dữ liệu cá nhân	<p>- Căn bổ sung ở L1-L2: Nhận biết được dữ liệu cơ bản mà mình tạo ra trong quá trình sử dụng các công cụ, môi trường hoặc dịch vụ kỹ thuật số.</p> <p>- Căn bổ sung ở L3-L4-L5: Mô tả được chi tiết hơn các loại dữ liệu kỹ thuật số mà mình tạo ra và hiểu được ý nghĩa của việc quản lý chúng.</p>	

Qua kết quả phân tích ở Bảng 1, có thể thấy các thành tố năng lực giao tiếp và hợp tác trong chương trình GDPT 2018 và khung năng lực số có sự giao thoa nhất định ở các mức độ khác nhau. Việc tích hợp khung năng lực số vào GDPT 2018 thông qua hình thức dạy học tăng cường là một giải pháp khả thi, giúp học sinh tiểu học sớm hình thành kỹ năng công dân số và phát triển toàn diện trong môi trường số hóa. Quá trình này có thể được triển khai qua các tiết học định kỳ hoặc chủ đề lớn trong năm học, phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường. Đặc biệt, với học sinh lớp 1, 2, việc xây dựng nền tảng năng lực số là ưu tiên, sau đó mở rộng và nâng cao ở các khối lớp 3, 4, 5.

3.3. Bồi dưỡng năng lực số cho học sinh tiểu học thông qua dạy học tăng cường

3.3.1. Quy trình thiết kế hoạt động dạy học tăng cường theo hướng bồi dưỡng năng lực số cho học sinh tiểu học

Kết quả nghiên cứu của Phạm và Lê [25] cho rằng để phát triển năng lực số cho học sinh, kế hoạch bài dạy cần được thiết kế theo các bước: Xác định cấu trúc, nội dung chủ đề; Xác định mục tiêu chủ đề; Xác định tiến trình dạy học; Thiết kế hoạt động học tập; Thử nghiệm, đánh giá và điều chỉnh. Dạy học tăng cường nội dung bồi dưỡng năng lực số là thực hiện tăng cường, bổ sung thời lượng, nội dung giáo dục năng lực số trong kế hoạch giáo dục nhà trường [13]. Vì vậy, để phù hợp với hình thức dạy học tăng cường khi thiết kế các hoạt động học tập theo hướng bồi dưỡng năng lực số cho học sinh, giáo viên có thể thực hiện các bước sau:

+ **Bước 1. Xác định mục tiêu bài học:** Để thiết kế bài học tăng cường hướng đến phát triển năng lực số, việc xác định rõ ràng mục tiêu học tập là bước nền tảng quan trọng, được xây dựng dựa trên cơ sở lý thuyết và nhu cầu thực tiễn của học sinh. Các mục tiêu này cần đảm bảo tính cụ thể, đo lường được, đồng thời gắn kết chặt chẽ với những thành phần năng lực số cần phát triển [26]. Không chỉ tập trung vào các yêu cầu chung, mục tiêu còn được điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với năng lực cá nhân của học sinh. Những mục tiêu này không chỉ tránh trùng lặp với nội dung chương trình hiện hành mà còn bổ sung các kỹ năng thực hành thiết yếu, hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện trong kỷ nguyên số.

+ **Bước 2. Lựa chọn tài nguyên dạy học:** Tài nguyên cần được xây dựng phong phú, bao gồm tài liệu số và các thiết bị hỗ trợ như máy tính, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh, đảm bảo phù hợp với trình độ và đặc điểm của học sinh. Đồng thời, tài nguyên phải đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực số, hướng đến tính ứng dụng cao trong thực tế. Ngoài ra, tài nguyên cần được thiết kế linh hoạt để giáo viên dễ dàng điều chỉnh theo điều kiện thực tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất để học sinh tiếp cận và phát triển kỹ năng.

+ **Bước 3. Xây dựng tình huống học tập:** Tình huống học tập không chỉ kích thích hứng thú học tập mà còn đặt ra các yêu cầu thực tế, thúc đẩy học sinh vận dụng năng lực số để giải quyết vấn đề trong cuộc sống. Các ý tưởng thiết kế tình huống cần được xây dựng dựa trên các bối cảnh thực tế, gắn gũi với đời sống của học sinh, nhằm tạo sự liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức và thực tiễn. Cuối cùng, tình huống được hoàn thiện thông qua việc sử dụng các phương tiện trực quan như hình ảnh, video hoặc câu chuyện minh họa sinh động, qua đó khơi dậy sự hứng thú và tích cực tham gia của học sinh vào quá trình học tập.

+ **Bước 4. Thiết kế hoạt động học tập:** Theo công văn 2345/BGDĐT-GDTH, quá trình dạy học bao gồm các bước: khởi động, khám phá, luyện tập/Thực hành và vận dụng/mở rộng [27]. Mỗi bước gồm chuyển giao nhiệm vụ, tổ chức học sinh thực hiện nhiệm vụ, trình bày kết quả, thảo luận và nhận xét, tạo thành quy trình học tập hệ thống, kích thích sự tham gia tích cực của học sinh. Giáo viên có thể kết hợp sáng tạo các phương pháp truyền thống và hiện đại như thảo luận nhóm trực tuyến, học dựa trên dự án và mô phỏng thực tế số để phát huy tính chủ động và khả năng hợp tác của học sinh. Điều này giúp học sinh vượt qua rào cản không gian và thời gian, đồng thời thực hành kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong môi trường số.

+ **Bước 5. Lựa chọn phương án kiểm tra, đánh giá:** Xây dựng quy trình đánh giá kết hợp định tính và định lượng, sử dụng công nghệ như phần mềm quản lý học tập để theo dõi tiến độ, khuyến khích tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Minh bạch tiêu chí và thang điểm đánh giá ngay từ đầu giúp học sinh định hướng rõ ràng và tạo động lực học tập.

3.3.2. Tổ chức các hoạt động học tập theo hướng bồi dưỡng năng lực số cho học sinh tiểu học

Để triển khai các hoạt động học tập nhằm bồi dưỡng và phát triển năng lực số cho học sinh tiểu học, nghiên cứu này đề xuất mô hình tổ chức bài học thông qua việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Cụ thể, bài học "Họp nhóm trên Google Meet" được xây dựng theo các nguyên lý trong công văn 2345/BGDĐT-GDTH về kế hoạch giáo dục tiểu học. Bài học sử dụng hình thức dạy học tăng cường, nhằm phát triển năng lực chia sẻ và tham gia hoạt động xã hội qua công nghệ số cho học sinh lớp 5, dựa trên khung năng lực số dành cho học sinh tiểu học. Dưới đây là kế hoạch bài học "Họp nhóm trên Google Meet" rút gọn.

Kế hoạch bài dạy "Họp nhóm trên Google Meet"

1. Khởi động

- a) *Mục tiêu:* Kích thích tò mò, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh.
- b) *Nội dung:* Học sinh tham gia thảo luận nhanh về trải nghiệm sử dụng Google Meet và đưa ra câu hỏi về công cụ này.
- c) *Sản phẩm:* Ý kiến của học sinh về Google Meet và mong muốn tìm hiểu.
- d) *Cách thức tổ chức:* Giáo viên đặt tình huống gắn gũi: "Tuần này, mình không họp nhóm trực tiếp được, sao không họp trên Google Meet nhỉ?" và tổ chức thảo luận nhanh.

2. Khám phá

Mục tiêu:

- [B2] Lựa chọn và sử dụng Google Meet hoặc các công cụ giao tiếp kỹ thuật số khác một cách hiệu quả, tùy thuộc vào mục đích và yêu cầu của cuộc họp nhóm trực tuyến.
- [C2] Tham gia vào các cuộc họp nhóm, thể hiện vai trò của mình trong nhóm, đồng thời hiểu rõ trách nhiệm khi tham gia giao tiếp trong môi trường kỹ thuật số.

Nội dung: Học sinh thực hành tạo cuộc họp nhóm trên Google Meet và chia sẻ đường link với các thành viên.

Sản phẩm: Hành vi tạo được cuộc họp trên Google Meet và chia sẻ đường link thành công.

Cách thức tổ chức: Giáo viên hướng dẫn từng bước: truy cập Google Meet, tạo cuộc họp, sao chép và gửi link tham dự.

3. Luyện tập

Mục tiêu:

- [B2] Sử dụng tính năng chia sẻ màn hình trên Google Meet.

Nội dung: Học sinh thực hành chia sẻ màn hình trong nhóm (luân phiên trình bày).

Sản phẩm: Nội dung màn hình được chia sẻ thành công trong nhóm.

Cách thức tổ chức: Giáo viên hướng dẫn cách sử dụng tính năng "Trình bày ngay" trên Google Meet và yêu cầu học sinh thực hành theo nhóm.

4. Mở rộng

Mục tiêu:

- [E1] Sử dụng thiết bị số một cách an toàn, tránh xao lãng và đảm bảo các quy tắc giao tiếp khi tham gia cuộc họp nhóm (như tắt mic khi không phát biểu, giơ tay để phát biểu).
- [E2] Ứng xử lịch sự, tôn trọng ý kiến của người khác và điều chỉnh hành vi giao tiếp trong môi trường kỹ thuật số, phù hợp với các nền văn hóa và thể hệ khác nhau.

Nội dung: Học sinh thảo luận và áp dụng các quy tắc giao tiếp trực tuyến như tắt micro khi không phát biểu, giơ tay khi muốn trình bày.

Sản phẩm: Các quy tắc giao tiếp trực tuyến và sự áp dụng của học sinh trong thực hành.

Cách thức tổ chức: Giáo viên giới thiệu các quy tắc cơ bản và khuyến khích học sinh chia sẻ thêm kinh nghiệm, thực hành ngay trong nhóm.

Kết thúc bài học, giáo viên có thể đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh thông qua các biểu hiện hành vi của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập do giáo viên tổ chức. Giáo viên sẽ sử dụng mẫu phiếu tự đánh giá năng lực trên để đánh giá sự phát triển năng lực của học sinh sau mỗi bài học. Đây sẽ là căn cứ để giáo viên thiết kế các hoạt động học tập thông qua hình thức dạy học tăng cường ở trường tiểu học theo hướng bồi dưỡng, phát triển năng lực số cho học sinh ở các giai đoạn tiếp theo.

4. Kết luận

Trên cơ sở kết quả tổng quan tài liệu, nghiên cứu này làm rõ khung năng lực số của học sinh tiểu học, đặc biệt là năng lực giao tiếp và hợp tác, thông qua việc xác định những nội dung cần bổ sung và đề xuất các hoạt động học tập phù hợp. Nghiên cứu tập trung vào chuyên đề "Hợp nhóm trên Google Meet", nhằm giúp học sinh phát triển các biểu hiện hành vi về giao tiếp và hợp tác trong môi trường học tập ngày càng số hóa. Mặc dù các hoạt động học tập trong nghiên cứu chủ yếu dựa trên lý thuyết, chưa được kiểm nghiệm trong thực tế, song nghiên cứu này đã tạo cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo về tính hiệu quả và khả thi của các phương pháp giảng dạy này. Nghiên cứu tiếp theo sẽ áp dụng kế hoạch bài dạy vào thực tế lớp học tiểu học, theo dõi và đánh giá sự phát triển năng lực số của học sinh. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm sẽ giúp hoàn thiện phương pháp bồi dưỡng năng lực giao tiếp và hợp tác, đóng góp vào sự phát triển toàn diện của học sinh trong xã hội số.

Lời cảm ơn

Tạ Thanh Trung được tài trợ bởi Chương trình học bổng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong nước của Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF).

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. D. Nguyen and P. Marquet, "Digital Technology Capacity Meeting Social Needs: International Models and Approaches in Vietnam," *Social Science Journal*, vol. 12, no. 244, pp. 23-39, 2019.
- [2] J. Voogt and N. P. Roblin, "A Comparative Analysis of International Frameworks for 21st Century Competences: Implications for National Curriculum Policies," *Journal of Curriculum Studies*, vol. 44, no. 3, pp. 299-321, 2012, doi: 10.1080/00220272.2012.668938.
- [3] A. Sala, Y. Punie, and V. Garkov, "LifeComp: The European Framework for Personal, Social and Learning to Learn Key Competence: European Commission," in *Joint Research Centre (JRC), the European Commission's Science and Knowledge Service*, Luxembourg, Y. Punie, Ed., 2020, doi: 10.2760/302967.
- [4] M. Claro *et al.*, "Teaching in a Digital Environment (TIDE): Defining and Measuring Teachers' Capacity to Develop Students' Digital Information and Communication Skills," *Computers & Education*, vol. 121, pp. 162-174, 2018, doi: 10.1016/j.compedu.2018.03.001.
- [5] P. R. Albion, J. Tondeur, A. Forkosh-Baruch, and J. Peeraer, "Teachers' Professional Development for ICT Integration: Towards a Reciprocal Relationship Between Research and Practice," *Education and Information Technologies*, vol. 20, pp. 655-673, 2015, doi: 10.1007/s10639-015-9401-9.

- [6] R. Scherer, F. Siddiq, and T. Teo, "Becoming more Specific: Measuring and Modeling Teachers' Perceived Usefulness of ICT in the Context of Teaching and Learning," *Computers & Education*, vol. 88, pp. 202-214, 2015, doi: 10.1016/j.compedu.2015.05.005.
- [7] F. Siddiq, R. Scherer, and J. Tondeur, "Teachers' Emphasis on Developing Students' Digital Information and Communication Skills (TEDDICS): A New Construct in 21st Century Education," *Computers & Education*, vol. 92, pp. 1-14, 2016, doi: 10.1016/j.compedu.2015.10.006.
- [8] S. Carretero, R. Vuorikari, and Y. Punie, "DigComp 2.1: The Digital Competence Framework for Citizens," 2017. [Online]. Available: <https://apo.org.au/node/221736>. [Accessed Jul. 26, 2024].
- [9] H. Crompton and C. Sykora, "Developing Instructional Technology Standards for Educators: A Design-Based Research Study," *Computers and Education Open*, vol. 2, 2021, Art. no. 100044, doi: 10.1016/j.caeo.2021.100044.
- [10] N. Law, D. J. Woo, J. De la Torre, and K. Wong, *A Global Framework of Reference on Digital Literacy Skills for Indicator 4.4.2*, UNESCO Institute for Statistics, Canada, 2018.
- [11] H. Henseruk, M. Boyko, T. Tsepeniuk, B. Buyak, and S. Martyniuk, "Communication in Developing Digital Competence of Future Professionals," in *International Conference on New Trends in Languages, Literature and Social Communications*, Atlantis Press, 2021, pp. 158-165, doi: 10.2991/assehr.k.210525.020.
- [12] M. Jöhler, "Collaboration and Communication in Blended Learning Environments," *Frontiers in Education*, vol. 7, 2022, Art. no. 980445, doi: 10.3389/feduc.2022.980445.
- [13] Ministry of Education and Training, "Training Materials on Pilot Implementation of Digital Citizenship Skills Education According to the 2018 General Education Program at Primary Level," Hanoi, 2024.
- [14] R. J. Torraco, "Writing Integrative Literature Reviews: Guidelines and Examples," *Human Resource Development Review*, vol. 4, no. 3, pp. 356-367, 2005, doi: 10.1177/1534484305278283.
- [15] H. Snyder, "Literature Review as a Research Methodology: An Overview and Guidelines," *Journal of Business Research*, vol. 104, pp. 333-339, 2019, doi: 10.1016/j.jbusres.2019.07.039.
- [16] D. J. MacInnis, "A Framework for Conceptual Contributions in Marketing," *Journal of Marketing*, vol. 75, no. 4, pp. 136-154, 2011, doi: 10.1509/jmkg.75.4.136.
- [17] Z. He, X. Chen, and S. Guo, "Digital Competence and Its Components in Basic Education," *Interactive Learning Environments*, vol. 32, no. 9, pp. 5174-5185, 2023, doi: 10.1080/10494820.2023.2211636.
- [18] V. Riina, K. Stefano, and P. Yves, *DigComp 2.2: The Digital Competence Framework for Citizens – With New Examples of Knowledge, Skills, and Attitudes*, Joint Research Centre, 2022.
- [19] UNICEF, "Digital literacy for children: exploring definitions and frameworks," 2020. [Online]. Available: <https://www.unicef.org/globalinsight/media/1271/file/%20UNICEF-Global-Insight-digital-literacy-scoping-paper-2020.pdf>. [Accessed Jul. 26, 2024].
- [20] J. H. Miller, C. T. Butts, and D. Rode, "Communication and Cooperation," *Journal of Economic Behavior & Organization*, vol. 47, no. 2, pp. 179-195, 2002, doi: 10.1016/S0167-2681(01)00159-7.
- [21] H. T. Nguyen and T. H. Tran, "Organizing Project-Based Teaching on "Chemistry and Information Technology" (Chemistry 10) to Develop Students' Communication and Cooperation Skills," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 23, no. 21, pp. 12-17, 2023.
- [22] T. T. H. Le, "Assessing Students' Collaborative Capacity In Teaching and Learning in High Schools," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 360, pp. 18-20, 2015.
- [23] Ministry of Education and Training, *General Education Program in Subject Technology*, Hanoi, 2018.
- [24] Ministry of Education and Training, *Circular regulating the Digital Competency Framework for learners*, Hanoi, 2025.
- [25] T. P. N. Pham and T. P. Le, "Applying blended learning model to develop digital competence for students in teaching cell topics, natural science 6," Scientific report on biological research and teaching in Vietnam - 5th National Scientific Conference, 2022.
- [26] C. Redecker, *European Framework for the Digital Competence of Educators: DigCompEdu*, Joint Research Centre (Seville site), Joint Research Centre, 2017.
- [27] Ministry of Education and Training, *Official Dispatch 2345/BGDĐT - GDTH on Guidance on Developing Educational Plans for Primary Schools*, Hanoi, 2018.